

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2023/DS-ST

Ngày 25-10-2023

V/v tranh chấp về quyền sử dụng
đất, tranh chấp về bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tố
2. Ông Võ Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trường Minh Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc Tranh chấp về quyền sử dụng đất, tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Đình T, sinh năm 1954, địa chỉ: Tổ P, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1966 (Có mặt)
- Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1991 (Có mặt)
- Anh Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1995 (Có mặt)
- Anh Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1998 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ P, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Vợ chồng ông Đặng Văn T5, sinh năm 1980 bà Trần Thị T6, sinh năm 1988, cùng địa chỉ: Tổ P, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- Ban Q, địa chỉ: Khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Ban Q: Ông Nguyễn Đình C, chức vụ: Giám đốc. (Đề nghị giải quyết vắng mặt)

4. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1978, địa chỉ: Tổ P, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Ông Nguyễn Hữu T7, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ P, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

(Ông B, ông T7 đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Đình T trình bày: Từ năm 1992, gia đình ông khai hoang, quản lý, sử dụng thửa đất rừng tực danh R. Đã sử dụng đất trên liên tục đến nay, không ai tranh chấp. Trên đất có nhà, giếng nước, cây keo, cây bạch đàn và nhiều cây lâu năm khác. Tháng 8/2020, ông T1 cùng các con là ông T2, ông T3, ông T4 đến đất trên để tranh chấp, cho rằng đất là của gia đình ông T1. Ông T1 và các con đã châm lửa đốt cây trồng trên đất và ngày 26/8/2020, đã chặt của ông một số cây xoài, cây măng cầu, cây dừa, cây cam, cây đào, gây thiệt hại số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 25/10/2020, ông T1 và các con lại cưa tiếp cây đào, cây mận, cây xoài, cây bàng, cây măng cầu, gây thiệt hại 18.000.000 đồng. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận cho ông được quyền sử dụng đất rừng có tực danh Rẫy Đồn có diện tích 57.874,4m². Ông T tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông T1 và các ông T2, ông T3, ông T4 phải bồi thường số cây đã cưa với số tiền 48.000.000 đồng.

- Tại Bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tấn T1 trình bày: Đất có tranh chấp có nguồn gốc của ông bà ông sử dụng từ năm 1945, đến năm 1957 phân chia cho cha mẹ ông. Sau khi cha ông chết, mẹ con ông tiếp tục sử dụng, canh tác. Khoảng năm 1990-1991, ông T hỏi mượn đất để canh tác nên ông đồng ý. Đến năm 1998, ông lên Gia Lai làm kinh tế. Khoảng năm 2004, ông đòi đất thì ông T đề nghị mua lại để sử dụng nhưng không đưa tiền. Ông T tiếp tục sử dụng đất, không trả cho ông và tranh chấp đất như hiện nay. Đất đang tranh chấp là của gia đình ông nên ông T yêu cầu được quyền sử dụng thì ông không đồng ý. Con của ông (không rõ người nào) có phát chồi, chặt dọn các loại cây không có giá trị chứ không chặt phá cây như ông T khai. Khi ông T sử dụng đất đã tự chặt một bờ tre, cây xoài, cây mít cũ của ông

có trên đất để hủy bỏ chứng cứ về nguồn gốc đất. Ông không đồng ý với yêu cầu của ông T, yêu cầu ông T trả đất cho ông.

- *Tại Bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh T2 trình bày:* Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, ông thống nhất theo ý kiến của ông T1 đã trình bày. Ông không đồng ý với yêu cầu tranh chấp đất của ông T. Ông có cưa một số cây tạp, cây tự nhiên của rừng không có khả năng thu hoạch, không có giá trị kinh tế chứ không cưa cây của ông T nên không đồng ý với yêu cầu đòi bồi thường của ông T.

- *Tại Bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thanh T3 trình bày:* Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, ông thống nhất theo ý kiến của ông T1 đã trình bày. Ông không đồng ý với yêu cầu tranh chấp đất của ông T. Ông không chặt cây của ông T nên không đồng ý với yêu cầu đòi bồi thường của ông T.

- *Tại Bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thanh T4 trình bày:* Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, ông thống nhất theo ý kiến của ông T1 đã trình bày. Ông không đồng ý với yêu cầu tranh chấp đất của ông T. Ông có chặt một số cây tạp, cây tự nhiên của rừng không có khả năng thu hoạch, không có giá trị kinh tế chứ không chặt cây của ông T nên không đồng ý với yêu cầu đòi bồi thường của ông T.

- *Tại Bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+ *Vợ chồng vợ chồng ông Đặng Văn T5, bà Trần Thị T6 trình bày:* Ông bà cũng thống nhất với ý kiến của ông T về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và việc cây của ông T bị cưa phá. Ông bà đã chứng kiến ông T2 đang cưa cây đào của ông T. Trên đất tranh chấp có một phần cây keo là của ông bà trồng. Ông bà thống nhất với yêu cầu của ông T, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

+ *Người đại diện hợp pháp của Ban Q trình bày:* Đất có tranh chấp thuộc khoảnh 2 tiểu khu F phường H, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B giao cho Lâm trường H (nay là Ban Q) theo Quyết định số 798/QĐ-UB ngày 17/4/1995. Năm 2006, Ban Q triển khai trồng rừng phòng hộ vốn nhà nước đầu tư ở khu vực khoảnh B tiểu khu F phường H. Ngày 15/8/2006, ông T có đơn xin nhận khoán và kê khai diện tích 3,6ha. Ban Q đã giao khoán thửa y3, c1, lô y, c1, khoảnh 2 tiểu khu F phường H cho ông T theo Hợp đồng khoán số 64/HĐK ngày 28/8/2006. Tuy nhiên do ông T chỉ thực hiện theo đúng hợp đồng khoán đối với diện tích 2ha, còn 1,6ha (có một phần đất tranh chấp nhưng không xác định được vị trí) ông T và ông T5 tự đầu tư canh tác nên Ban Q đã lập lại hồ sơ thiết kế để giao khoán cho ông T 2ha nhưng chưa điều chỉnh, sửa đổi Hợp đồng khoán. Hiện nay, diện tích đất tại khoảnh B tiểu khu F phường H đã qui hoạch rừng sản xuất. Ban Q đã có hồ sơ đề nghị bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã Q1 nhưng tạm dừng theo Văn bản số 3834/UBND-KT ngày 05/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Đất hiện do Ban Q quản lý. Trước thời điểm giao đất, một số hộ dân tự khai hoang, canh tác, đã được vận động tham gia dự án trồng rừng, hộ

nào tham gia thì sẽ giao khoán, hộ nào không tham gia thì vẫn tôn trọng lịch sử canh tác của họ.

- *Theo Biên bản lấy lời khai của người làm chứng, người làm chứng ông Nguyễn Hữu B, ông Nguyễn Hữu T7 trình bày:* Các ông có quan hệ bà con nhà chú bác ruột với ông T1, cha của các ông và cha ông T1 là anh em ruột, còn ông T là anh rể của hai ông (rể con bà đời trước của cha các ông). Các ông được biết đất có tranh chấp thuộc đất của ông bà nội tên là Nguyễn Đạt. Ông bà nội có con là cha của hai ông, cha của ông T1 và một người khác. Ông bà nội đã chia đất cho ba người con trai, phần đất cho cha của hai ông hiện nay ông B đang sử dụng, phần cho cha ông T1 hiện đang có tranh chấp. Các ông biết là ông T1 đã canh tác trên đất có tranh chấp từ lâu (không nhớ rõ thời gian) sau đó ông T1 bỏ lên A làm thì ông T canh tác và có nghe là khi ông T1 đòi đất thì ông T đồng ý đưa tiền nhưng sau đó không đưa. Ông B, ông T7 không biết gì thêm và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định:* Việc nhận và xử lý đơn khởi kiện chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 191 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án là đúng theo qui định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo qui định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu của ông T, đình chỉ yêu cầu của ông T về việc buộc bị đơn phải bồi thường cây bị cưa với số tiền 48.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T là người cao tuổi nên được miễn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các bên tranh chấp với nhau quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại cây cối bị cưa nên theo khoản 6, 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về quyền sử dụng đất, tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Bị đơn cư trú và đất có tranh chấp tại phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự và người làm chứng: Người đại diện hợp pháp của Ban Q và người làm chứng đề nghị xét xử vắng mặt. Người làm chứng đã có lời khai, việc vắng mặt của người làm chứng tại phiên tòa không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Căn cứ theo các điều 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tranh chấp quyền sử dụng đất:

[3.1] Đất có tranh chấp là một phần thửa đất số 728 tờ bản đồ số 01 (Bản đồ lâm nghiệp), thuộc khoảnh 2 tiểu khu F phường H đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B giao cho Lâm trường H (nay là Ban Q) theo Quyết định số 798/QĐ-UB ngày 17/4/1995 nên thuộc quyền sử dụng của Ban Q. Một phần của đất tranh chấp, trước đây nằm trong 3,6ha được Ban Q giao khoán cho ông T theo Hợp đồng khoán số 64/HĐK ngày 28/8/2006. Tuy nhiên, do ông T chỉ thực hiện theo đúng hợp đồng khoán đối với diện tích 2ha, còn 1,6ha (có một phần đất tranh chấp nhưng không xác định được vị trí, diện tích cụ thể) ông T và ông T5 tự đầu tư canh tác nên Ban Q chỉ giao khoán cho ông T 2ha. Như vậy, phần đất tranh chấp có diện tích 57.874,4m² thuộc quyền sử dụng của Ban Q, chưa giao khoán cho ai nhưng ông T, ông T5 là người bỏ vốn đầu tư và hiện nay đang canh tác. Theo Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B thì diện tích đất tranh chấp đã được qui hoạch đất rừng sản xuất. Ban Q đã có hồ sơ đề nghị bàn giao cho Ủy ban nhân dân phường Q1 nhưng đã tạm dừng theo Văn bản số 3834/UBND-KT ngày 05/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Hiện nay, đất vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ban Q, chưa giao khoán cho tổ chức, hộ gia đình quản lý, sử dụng.

[3.2] Về nguồn gốc, việc khai hoang, sử dụng theo lời trình bày của ông T, ông T1, của những người làm chứng và ý kiến của Ủy ban nhân dân phường H là đúng. Tuy nhiên, việc khai hoang trước đây của gia đình ông T1 là tự phát, không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Ông T1 kê khai nguồn gốc, quá trình sử dụng đất nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Nội dung bản chúc thư như ông T1 cung cấp cũng không có thửa đất rẫy Đồn Ngành Ngành như ông trình bày. Sau khi ông T1 không trực tiếp sử dụng đất, ông T đã tiếp tục khai hoang, sử dụng liên tục từ năm 1992 đến nay. Việc sử dụng đất của ông T1 và ông T đều không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo qui định tại Điều 4 của Luật đất đai thì: *“Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật này”*. Và theo qui định tại khoản 5 Điều 26 của Luật đất đai thì: *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của N dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*. Đất có tranh chấp trước đây thuộc quản lý của Nhà nước chưa giao cho ai, từ năm 1995 Nhà nước giao cho Ban Q nên việc sử dụng đất của ông T1 và ông T là hành vi chiếm đất, sử dụng đất không có đăng ký, vi phạm qui định tại Điều 12 của Luật đất đai. Do đó, ông T yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông là không có căn cứ để chấp nhận. Ông T1 dựa vào việc khai hoang, sử dụng đất trái phép trước đây để đòi quyền sử dụng đất là không đúng qui định của pháp luật, không có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Về tài sản của ông T và cây cối của ông T, ông T5 có trên đất: Từ năm 1992 đến nay, ông T, ông T5 là người trực tiếp canh tác, đầu tư trồng trọt; được chủ sử dụng đất là Ban Q tôn trọng lịch sử canh tác và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông T, ông T5 tiếp tục được

quản lý, sử dụng đối với tài sản có trên đất và phải có nghĩa vụ thu hoạch cây cối, dọn dỡ tài sản để trả đất cho Ban Q theo đúng qui định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông T, ông T5 cũng cam kết sẽ thu hoạch cây, dọn dỡ tài sản để trả đất cho Ban Q khi có yêu cầu.

[3.4] Đất rừng có tranh chấp đã được giao cho Ban Q sử dụng. Tuy nhiên, Ban Q chưa quản lý chặt chẽ, để cho người dân tự ý chiếm đất trồng trọt. Vì vậy, kiến nghị Ban Q: Có biện pháp để thực hiện đúng qui định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất. Có biện pháp bảo vệ đất, không để người dân tự ý chiếm đất và xảy ra tranh chấp với nhau nhằm giúp ổn định an ninh, trật tự tại địa phương và tránh mâu thuẫn, xung đột trong nội bộ nhân dân.

[4] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm: Tại phiên tòa, ông T rút yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản. Việc rút yêu cầu của ông T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 48.000.000 đồng của ông T.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận nhưng ông T là người cao tuổi nên được miễn.

[6] Về các chi phí tố tụng khác: Ông T phải chịu chi phí định giá tài sản là 5.000.000 đồng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng. Ông T đã nộp đủ.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; các điều 147, 157, 158, 165, 166, 228, 229, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 12, 26 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Đình T về việc yêu cầu công nhận cho ông được quyền sử dụng diện tích 57.874,4m² tại khoảnh 2, tiểu khu F phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu của ông Đặng Đình T về việc yêu cầu ông Nguyễn Tấn T1, ông Nguyễn Thanh T2, ông Nguyễn Thanh T3, ông Nguyễn Thanh T4 phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 48.000.000 đồng.

3. Về án phí và tiền tạm ứng án phí:

- Ông Đặng Đình T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Khi thụ lý vụ án, ông Đặng Đình T được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xem xét trả lại.

4. Về chi phí tố tụng khác: Ông Đặng Đình T phải chịu chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, ông T đã nộp đủ.

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Cầm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng